

Số: 2882/CNNB-TCHC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

- Mã chứng khoán: NBW

- Địa chỉ: 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 41, phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ: 19001210

Fax: 028.54122500

- E-mail: tchccapnuocnhabe@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết số 33/NQ-CNNB-HĐQT ngày 18/11/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè - Phiên họp lần thứ 6 năm 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19/11/2025 tại đường dẫn: www.capnuocnhabe.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

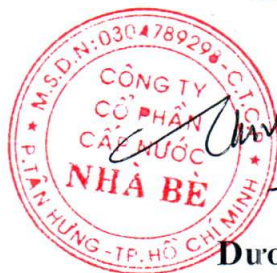
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCHC.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Nghị quyết số 33/NQ-CNNB-HĐQT ngày 18/11/2025.

GIÁM ĐỐC



Dương Văn Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

QUYẾT NGHỊ:

Stamp: M.S.D.N.: 030
CỘ
CỘ
CẤP
NH
P. TÂN HƯNG

Điều 3. Thông qua việc thay đổi tên các Phòng chuyên môn theo Tờ trình số 2364/TTr-CNNB ngày 07/10/2025 của Giám đốc Công ty như sau:

- Đổi tên **Phòng Kinh doanh** thành **Phòng Kiểm tra Kiểm soát**;
- Đổi tên **Phòng Quản lý Ghi thu 1** thành **Phòng Quản lý Đồng hồ nước 1**;
- Đổi tên **Phòng Quản lý Ghi thu 2** thành **Phòng Quản lý Đồng hồ nước 2**.

Điều 4. Thông qua kế hoạch mua sắm vật tư, trang thiết bị năm 2026 theo Tờ trình số 2529/TTr-CNNB-KHVTTH ngày 21/10/2025 của Giám đốc Công ty. Cụ thể:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2026
1	Mua sắm vật tư giảm thất thoát nước	Triệu đồng	14,416
2	Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin	Triệu đồng	20,430
3	Mua sắm đồng hồ nước và phụ tùng		
	- Mua sắm đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	30,065
	- Mua sắm đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	58
	- Data logger đồng hồ nước khách hàng cỡ lớn.	Cái	50

Điều 5. Hội đồng quản trị ghi nhận Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông và thống nhất trình Đại hội xem xét, phê duyệt theo quy định.

Trong thời gian chờ thông qua, Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương giao Ông Giám đốc thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 và công tác chuẩn bị hồ sơ vay vốn ngân hàng để triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026, đồng thời yêu cầu thực hiện đúng quy định, đảm bảo an toàn tài chính và bảo toàn, phát triển vốn của Công ty.

Điều 6. Thông qua kế hoạch lao động và quỹ tiền lương của người lao động; quỹ tiền lương và thù lao của người quản lý năm 2025 theo Tờ trình số 2721/TTr-CNNB ngày 26/11/2025 của Giám đốc Công ty.

Điều 7. Thông qua dự thảo Quy chế Quản lý tài chính của Công ty đính kèm theo Tờ trình số 2514/TTr-CNNB ngày 20/10/2025 của Giám đốc Công ty cùng với các ý kiến góp ý của các thành viên tại cuộc họp đã được Hội đồng quản trị ghi thông qua. Giám đốc Công ty tiếp thu ý kiến, chỉnh lý hoàn thiện và trình Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành.

Điều 8. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- TV. HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- BGĐ Công ty;
- Lưu HS.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hảo Tài

Phụ lục 1:

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH - TÀI CHÍNH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-CNNB-HĐQT ngày 18 tháng 11 năm 2025)

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện 9 tháng	Tỉ lệ % so với KH 2025
A. SẢN XUẤT – KINH DOANH				
1. Sản lượng nước tiêu thụ	1.000m ³	72.500	53.196	73,37
2. Doanh thu nước sạch	Tỉ đồng	900,233	670,920	74,53
3. Giá bán bình quân	Đồng/m ³	12.417	12.612	101,57
4. Gắn mới ĐHN cỡ nhỏ	Cái	1.000	1.561	156,10
5. Thay ĐHN nhỏ	Cái	23.500	20.978	89,27
6. Thay ĐHN lớn	Cái	32	32	100,00
7. Tỉ lệ thất thoát nước	%	11,50	12,53	+1,03
8. Tỉ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00
B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN				
1. Phát triển mạng lưới				
- Khối lượng	Mét	4.258	2.560	60,12
- Giá trị khối lượng	Tỉ đồng	5.224	3,414	65,35
- Giá trị giải ngân	Tỉ đồng	3.274	3,095	94,53
2. Sửa chữa ống mụt				
- Khối lượng	Mét	18.744	12.756	68,05
- Hàm đồng hồ tổng	Hàm	01	01	100,00
- Nắp hàm đồng hồ tổng	Nắp	38	15	39,47
- Giá trị khối lượng	Tỉ đồng	37,288	26,624	71,40
- Giá trị giải ngân	Tỉ đồng	31,001	8,706	28,08
3. Vốn sửa chữa				
- Giá trị khối lượng	Tỉ đồng	3.600	-	-
- Giá trị giải ngân	Tỉ đồng	3,060	-	-
C. MUA SẺ VẬT TƯ THIẾT BỊ				
1. Mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác giảm thất thoát nước năm 2025	Tỉ đồng	9,129	3,265	35,77
2. Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin năm 2025	Tỉ đồng	21,417	10,834	50,59

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện 9 tháng	Tỉ lệ % so với KH 2025
3. Mua sắm đồng hồ nước và phụ tùng				
- Đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	25.516	25.523	100,03
- Đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	35	43	122,86
D. SỬA CHỮA NỘI BỘ VÀ TRANG THIẾT BỊ				
1. Trang bị nước uống tại vòi cho CB.CNV	Ti đồng	0,15	0,091	Hoàn thành
2. Thay thế các thiết bị đóng ngắt điện các tầng, phòng làm việc trong khuôn viên trụ sở	Ti đồng	0,21	-	-
3. Di dời kho vật tư ra khỏi tầng hầm	Ti đồng	0,30	-	-
4. Mua sắm vật dụng làm việc, các sửa chữa nhỏ trong trụ sở	Ti đồng	0,15	0,638	425,33
E. TÀI CHÍNH				
1. Tổng doanh thu	Ti đồng	908,933	682,398	75,08
2. Tổng chi phí	Ti đồng	868,433	650,666	74,92
3. Lợi nhuận trước thuế	Ti đồng	40,500	31,732	78,35
4. Lợi nhuận sau thuế	Ti đồng	31,800	24,091	75,76